



XIN CỨU ĐỘ MẸ ĐẤT

THỊCH TRÍ SĨU

XIN CỨU ĐỘ MẸ ĐẤT

Thích Trí Siêu

I - Mẹ Đất

Trong khoảng thập niên 60, khi các phi thuyền gia rời trái đất, ngồi trong phi thuyền, họ đã có cơ hội nhìn trở lại trái đất, chụp hình trái đất và họ đã cho chúng ta thấy rằng trái đất là một thực thể sống động, một hành tinh xanh chứ không phải chỉ toàn là đất đá ù lì khô cằn như ở Hỏa Tinh (Mars). Trên trái đất có nào là biển cả, sông hồ, rừng xanh, đồng lúa, núi non, sa mạc, v.v... Khi nói đến trái đất chúng ta cũng phải kể luôn cả vùng khí quyển bao quanh nó, vì nhờ vùng khí quyển này mà sự sống trên trái đất mới có mặt, nếu không thì trái đất này sẽ trở thành một hành tinh chết như mặt trăng vậy.

Thầy Nhất Hạnh, khi nói đến trái đất đã nhiều lần gọi đó là Mẹ Đất (Mother Earth), quả thật là một cái nhìn bao la và biết ơn đối với trái đất. Ngoài việc dẫm đi trên mặt đất hàng ngày, lái xe trên đường xá hoặc đào đất trồng cây, v.v... nếu nhìn kỹ và xa hơn một chút, chúng ta sẽ thấy rằng trái đất chẳng khác gì một bà Mẹ, vì bà Mẹ là người cho con sự sống và nuôi dưỡng con lớn khôn. Con ở đây là tất cả loài sinh vật đang lúc nhúc bám vào Mẹ Đất để mà sống, trong đó có loài người chúng ta. Hiện nay Mẹ Đất đang nuôi hơn 5 tỷ con người và không biết bao nhiêu trăm ngàn tỷ các loài con khác (côn trùng, thú vật, thủy tộc v.v...)

Tất cả sự vật trên trái đất đều có sự sống, vì trái đất là một hành tinh sống (planète vivante). Không những động vật như loài người, thú vật, côn trùng có sự sống mà các loài thảo vật, thực vật cũng có sự sống của chúng. Một cây táo, nếu ta không chăm phân tưới nước thì cây táo sẽ chết. Ngay cả đất cũng có sự sống, nếu ta không cấy cây, không gìn giữ mà lại phá hoại, rải bừa bãi những chất hóa học sát trùng, thì đất đó lâu ngày sẽ chết, không thể trồng trọt gì được.

Tất cả môi trường thiên nhiên trên mặt đất đều góp phần vào việc tiếp nối sự sống, sự sống của muôn loài. Vì thế môi trường thiên nhiên chính là Mẹ Đất vậy.

Khi một em bé sơ sinh mở mắt chào đời, khóc oa oa thì ô hay, mầu nhiệm thay, bên em đã có bà Mẹ ôm ấp em vào lòng cho em bú. Khi loài người mở mắt chào đời trên trái đất này, không biết từ thuở xa xôi nào, thì Mẹ Đất cũng ôm ấp lấy, không vứt ra ngoài vòng quỹ đạo rơi vào không gian vô tận. Mẹ Đất cũng đã sửa soạn chu đáo những gì cần thiết cho sự sống của chúng ta. Đói thì có rừng cây, chỉ việc leo lên hái quả mà ăn. Khát thì có sông, có suối, chỉ việc vốc nước mà uống. Mệt thì chui vào hang đá mà ngủ.

Rừng cây, sông hồ, núi biển, không ai bảo ai, không ai điều khiển ai mà vẫn làm việc hòa điệu với nhau một cách kỳ diệu để bảo đảm sự sống cho con người. Có người nhân đây sẽ bảo tất cả đều do Ông Trời làm ra và điều khiển. Nhưng ai đã thấy Ông Trời ra sao ? Ông ta mập hay gầy ? Da trắng hay da đen ? Ông Trời có hay không, việc đó không quan trọng, vì khi đói chúng ta vẫn phải ăn, khát vẫn phải uống. Có một điều mà chúng ta có thể quả quyết chắc chắn, đó là nếu không có rừng cây, sông hồ, núi biển, không khí, mặt trời, v.v... thì tất cả mọi loài sinh vật đều sẽ chết hết, trong đó có loài người chúng ta.

Con sinh ra mà không có Mẹ bú mớm thì con sẽ chết. Con người sinh ra mà không có Mẹ Đất nuôi dưỡng thì con người cũng sẽ chết. Mẹ Đất ở đây, chính là môi trường thiên nhiên cần thiết cho sự sống.

Con người thường tự hào rằng mình là giống vật khôn lớn hơn các loài khác, có trí khôn biết phải biết trái, biết luân thường đạo lý, biết tiên bộ văn minh, biết điều khiển khai thác thiên nhiên, biết thám hiểm không gian, biết đủ thứ khoa học kỹ nghệ, không như các loài trâu, bò, heo, ngựa. Nhưng có một điều mà con người không biết, đó là con người rất tham lam, độc ác, u mê. Cũng vì tham lam, độc ác, u mê mà con người trở thành vong ân bội nghĩa. Hiện nay con người đang tàn phá các loài khác và cũng tàn phá luôn cả Mẹ Đất. Chúng ta sống nhờ Mẹ Đất, ăn uống mỗi mỗi đều rút tĩa từ Mẹ Đất, vậy mà không biết ơn lại đi phá hoại. Ôi ! Còn gì điên rồ, ngu xuẩn và vô ơn bạc nghĩa hơn ? Nếu Mẹ Đất bị tàn hoại và chết thì thử hỏi chúng ta có thể tiếp tục sống được không ? Tiếp tục ăn chơi, hưởng thụ phung phí không ?

-ooOoo -

II - Mẹ Đất đang bị tàn hoại

1. Màng ozone bị thủng lỗ

Từ đầu kỷ nguyên kỹ nghệ tới nay, con người đã chế tạo ra khoảng sáu triệu hợp tố hoá học, trong số đó có bảy chục ngàn chất được dùng thường xuyên trong đời sống hàng ngày. Cứ mỗi năm trên thị trường tiêu thụ lại xuất hiện khoảng hơn 1.000 chất hóa học mới. Tất cả những chất này đều là những chất ngoại lai vì không phải từ Mẹ Đất thiên nhiên mà ra. Trong số những chất ngoại lai này có nhiều chất rất độc, thí dụ như những chất sát trùng, sát cỏ DDT, CFC (chlorafluorocarbones). Khi được xịt vào cây cỏ, một số thấm xuống đất, một số bốc hơi lên vùng khí quyển. Hậu quả của nó ra sao, người ta chưa xác định được, nhưng có một điều chắc chắn: những chất này là nguyên nhân tạo ra những căn bệnh ung thư và quái thai. Những chất hóa học như CFC và các chất khí gaz khi bốc lên không trung, có tác dụng phá mỏng màng ozone của khí quyển. Vào khoảng các năm 80, các vệ tinh Hoa Kỳ đã phát giác ra một lỗ hổng của màng ozone trên vùng khí quyển Nam Cực. Màng ozone là một lớp khí bao bọc chung quanh và cách xa mặt đất khoảng từ 15 đến 35 cây số, nơi mà ánh sáng mặt trời, khi chiếu đến trái đất, đụng phải các phân tử ôc-xy (oxygène) O₂, tạo ra phản ứng hoá học và biến các phân tử oxygène này thành ozone (O₃).

Màng ozone này rất quan trọng vì nó lọc và cản lại những quang tuyến ngắn UV-B (ultraviolet). Những quang tuyến này nếu lọt qua khỏi vùng ozone thì có thể gây ra các bệnh ung thư da, hại màng mắt và cơ kháng của con người. Tác dụng của nó cũng ảnh hưởng tai hại đến cây cỏ, canh nông và các loài thủy tộc. Trong khi đó thì các xưởng máy kỹ nghệ trên thế giới, nhất là ở Âu Mỹ vẫn tiếp tục nhả những khí hoá học phé thải làm ô nhiễm không khí và phá mỏng màng ozone.

2. Bầu khí quyển tăng nhiệt

So sánh với hai hành tinh lân cận như Kim Tinh (vénu) và Hỏa Tinh (mars) thì trái đất thật là lý tưởng và đặc biệt. Không nóng quá như ở Kim Tinh (450 độ C) cũng không lạnh quá như ở Hỏa Tinh (trừ 53 độ C). Nhiệt độ trung bình trên mặt đất khoảng 15 độ C vừa đủ hợp cho sinh vật. Đó cũng là nhờ số lượng các khí phân chia đúng mức : 21% oxygène (du"ng khí), 78% azote (đạm khí) và 0,03% gaz carbonique (thán khí). Nếu chẳng may số dưỡng khí giảm xuống còn 16% thì các loài động vật sẽ bị hụt hơi, ngộp thở, hoặc ngược lại nếu nó tăng lên khoảng 25% thì một tiếng sấm nổ cũng đủ làm bốc cháy các khu rừng vùng nhiệt đới. Nhiệt độ trái đất được giữ ôn hòa đó là nhờ số lượng rất ít của khí carbonique. Chất khí này có công năng hấp thụ sức nóng của mặt trời và giữ lại sức nóng của trái đất không cho tản mát vào không gian. Ở Kim Tinh số lượng khí carbonique là 96%, cùng lúc lại gần mặt trời hơn nên nhiệt độ của nó rất nóng. Như chúng ta đã thấy, nếu tỷ lệ các chất khí trên được giữ

quân bình thì sự sống trên trái đất sẽ êm ả tiếp tục không có gì đáng nói. Nhưng khổ nỗi hiện nay các số lượng trên đang bị đảo lộn, không phải do ông trời mà do chính con người làm đảo lộn với sự khai thác và đốt cháy quá nhiều nhiên liệu và rừng núi.

Số lượng khí carbonique trên trái đất hiện nay đã tăng thêm 25% kể từ giữa thế kỷ thứ 20 và nếu cứ theo đà kỹ nghệ văn minh tiêu thụ này thì đến năm 2.050, nhiệt độ trái đất sẽ tăng thêm từ 1,5 đến 4,5 độ C.

Việc trái đất có nóng hơn 1 hay 2 độ C đối với chúng ta hình như không có gì đáng lo vì chúng ta đâu có ý thức được ảnh hưởng tai hại của nó trên toàn bộ sinh môi. Nếu bầu khí quyển tăng nhiệt thì sẽ ảnh hưởng tới mực nước biển. Các tảng băng tuyết ở hai vùng Nam Cực và Bắc Cực sẽ chảy dần và như thế mực nước biển sẽ dâng cao lên khoảng từ 7 đến 165 phân tây (cm). Nước dâng cao thì sẽ gây lụt lội, bão tố, thiệt hại mùa màng, nhất là ở các vùng duyên hải hoặc các vùng thấp gần mực sông như sông Gange (Hằng), sông Nil và các bán đảo Maldives, v.v... Ngay cả các thành phố lớn như Luân Đôn, Nữ Uớc, Vọng Các (BangKok) cũng khó tránh khỏi thiên tai. Trong khi ở các vùng duyên hải bị bão lụt thì ở vùng nhiệt đới đã nóng lại nóng thêm và từ đó gây ra hạn hán, cây cỏ chết khô.

Bão lụt, thiên tai, hạn hán mùa màng cây cỏ thiệt hại, lúc đó dù có nhiều tiền đi nữa cũng không tìm đâu ra thức ăn để mà mua.

3. Rừng cây bị đốn phá

Rừng cây bị đốn phá thì liên quan gì đến chúng ta ?

Phi châu đã mất gần phân nửa số rừng xanh đã có trước đây, Mỹ châu đã mất một phần ba. Hiện tại Á châu cũng đang bắt chước các nước văn minh Âu Tây mà đốn phá rừng núi.

Ai cũng biết con người phải hít thở thì mới sống được. Hít dưỡng khí (oxygène) và thở ra thán khí (gaz carbonique). Trong khi đó thì cây cỏ cũng hít thở để sống, nhưng lạ lùng và may mắn thay chúng không dành lấy dưỡng khí của chúng ta mà ngược lại chúng hít thán khí và thở ra dưỡng khí. Cây cỏ hít thở cùng với chúng ta và cho chúng ta, và như vậy tất cả những rừng cây trên trái đất chẳng khác gì những lá phổi thiên nhiên hay là những máy điều hòa không khí khổng lồ.

Có người bảo nếu không chặt cây đốn rừng thì lấy đâu ra củi để sưởi, lấy gỗ làm nhà. Không ai cấm chúng ta chặt cây đốn rừng cả, vấn đề được nêu ra ở đây là rừng cây (sản phẩm của mấy ngàn năm) đang bị đốn phá với tốc độ quá mức tưởng tượng. Xưa kia khi cần củi để đốt hay gỗ làm nhà thì người tiều phu vác búa vác rìu vào rừng chặt cây đốn củi, nhưng không vì thế mà rừng cây bị tiêu diệt. Ngày nay với máy móc tối tân, chỉ trong chốc lát người ta có thể đốn hàng ngàn cây rừng. Đốn thì cứ đốn, nhưng phải để cho cây cối có thì giờ mọc lại chứ ? Không ! Đàng này con người

ý vào máy móc mặc tình ra tay đốn cây không biết ngừng. Công trình xây dựng ngàn đời, chỉ một phút chốc tan hoang.

Nếu trong vườn ta có nuôi 10 con gà và mỗi ngày ta quyết ăn một con thì chỉ sau 10 ngày là ta sẽ không còn con nào để mà ăn nữa. "Ăn tham thì chóng hết, ăn chậm thì dài lâu". Nếu ta khôn khéo, biết để cho gà có thì giờ sinh con để trứng, gà con lớn thành gà mẹ thì chắc chắn sau 10 ngày ta vẫn còn gà để ăn. Đối với rừng cây cũng vậy, nếu chúng ta ra tay đốn quá mức, rừng cây sẽ không có thì giờ mọc trở lại và như vậy là chúng ta đã vô tình tàn phá những lá phổi thiên nhiên, những máy điều hòa không khí. Phổi hư, máy hỏng thì con người có còn tiếp tục sống được không ?

Ngoài việc điều hòa không khí, rừng cây còn là một môi sinh quan trọng và tối ưu cần thiết cho tất cả mọi loài sinh vật. Rừng cây vừa là nơi trú ẩn vừa là kho thức ăn của thú rừng, của chim chóc. Khi mưa xuống, rừng cây hút nước và giữ đất không để cho nước cuốn trôi đi, tất cả những sinh tố của cây cỏ trở lại hòa lẫn với đất làm giàu khoáng chất. Với đà tiêu thụ rừng cây hiện nay, mặt đất trở nên sơ xác vì bao nhiêu khoáng chất, sinh tố đều bị mưa gió cuốn đi hết. Không còn cây che nắng mùa hè, không còn cây để giữ nước mùa mưa, hậu quả của nó chính là những trận lụt lội và hạn hán thường xuyên xảy ra trên thế giới. Đó là chưa kể có nhiều nơi như ở Nam Mỹ châu vùng Amazonie, họ không đốn rừng lấy gỗ mà lại đốt rừng cho cháy mau hơn để lấy đất trồng cỏ nuôi bò xuất cảng. Sự kiện này lại ảnh hưởng lớn đến nhiệt độ của khí quyển vì khi bị đốt cháy thì rừng cây tiết ra không biết bao nhiêu mà kể những chất khí carbonique. Chất khí này là một trong những chất làm tăng nhiệt khí quyển. Qua sự đốt rừng, người ta ước chừng mỗi năm riêng ở xứ Brésil (Ba Tây) đã tổng lên bầu khí quyển khoảng 400 triệu tấn khí carbonique.

Tham gia vào việc tiêu diệt rừng cây không phải chỉ có sự đốt rừng hay đốn rừng mà còn có một yếu tố khác nữa, đó là những trận mưa á-xít (pluie acide). Những trận mưa này rơi xuống rừng làm cho cây cối tàn úa, mất lá, những rễ cây teo lại, nhỏ dần và tan rã. Sự kiện này đã được ghi nhận xảy ra ở các nước vùng Tây Âu (Anh, Đức, Thụy Điển ...) và ở vùng Bắc Mỹ châu (Hoa Kỳ, Gia Nã Đại). Nguyên nhân của nó không gì xa lạ, chính là sự gia tăng tiêu thụ xe hơi và máy bay, sự sản xuất hàng ngàn chất liệu hóa học mỗi năm, sự kỹ nghệ hóa canh nông, sự khai thác quá mức các mỏ nhiên liệu, tất cả đã họp nhau lại mà phá hoại thiên nhiên.

Trên đây chỉ là khái lược sơ về ảnh hưởng của sự tiêu diệt rừng cây. Chúng ta không cần phải đi sâu vào chi tiết làm gì, chỉ cần nhớ rằng rừng cây là nguồn sống. Nếu cha mẹ là người đã sinh ra ta thì rừng cây chính là người vú em đã nuôi ta lớn. Rừng cây điều hòa không khí cho chúng ta thở, lọc nước cho chúng ta uống, tạo đất cho chúng ta trồng trọt. Tiêu diệt rừng cây tức là tiêu diệt nguồn sống.

Riêng ở Việt Nam hiện nay rừng cây cũng đang bị đốn phá trầm trọng. Hồi tháng 2 năm 1992 đương kim Thủ Tướng Võ Văn Kiệt đã ký bán và cho phép hãng thầu Đài Loan Franck International Investment Corp. san bằng 350 mẫu rừng trong số 535 mẫu ở Thủ Đức để làm một bãi chơi Golf có tầm vóc quốc tế với đầy đủ thú tiêu khiển và du lịch. Trong khi đó thì mức độ nhiễm ô bầu khí quyển trung tâm và ngoại ô Sài Gòn đã tăng gần đến mức của tỉnh Bangkok. Theo các nhà sinh môi Việt Nam thì 535 mẫu rừng ở Thủ Đức là một trong những lá phổi nhỏ còn sót lại của tỉnh Sài Gòn, và như thế sự san bằng các mẫu rừng trên sẽ ảnh hưởng tai hại không nhỏ đến sự thăng bằng sinh môi của tỉnh. Hơn nữa, ai là người sẽ giao du các sân golf và những trò tiêu khiển Âu Mỹ nếu không là du khách ngoại quốc và những cán bộ cao cấp ?

Ở Đà Lạt, hồi tháng 9 năm 92 cũng một hãng thầu Đài Loan đã mua và đang xây một sân golf ngay bên cạnh hồ Xuân Hương, một thắng cảnh của đất nước.

Theo thống kê của những chuyên gia thì từ năm 1976, chính phủ Cộng Sản Việt Nam đã tiêu diệt khoảng 200.000 mẫu rừng hàng năm để khai thác hoặc xuất cảng gỗ. Năm 1943 ở Việt Nam có khoảng 14 triệu mẫu rừng, năm 1975 còn 9,5 triệu và đến năm 1991 chỉ còn 6,4 triệu. Cứ theo đà này thì trong 10 hay 15 năm nữa rừng cây Việt Nam sẽ chẳng còn là bao.

Hậu quả tức thời của sự đốn phá trên là các dân thiểu số sơn cư miền Bắc và miền Trung như người Thái, Nùng, Mường, Chàm sống rất khổ sở thiếu ăn từ 3 đến 9 tháng một năm. Bệnh broun cổ và bệnh dịch hoành hành, không có nhà thương, bác sĩ, trường học. (Trích Le Monde Diplomatique, tr. 24).

4. Đất màu thành đất muối

Cuối thập niên 60, hai kỹ sư của Bộ Thủy Lợi Nga Xô đã lập một dự án khổng lồ : đảo ngược dòng hai con sông lớn vùng Trung Á, sông Amou-Daria và sông Syr-Daria, để dẫn nước về vùng đồng bằng khô cằn của hai tỉnh Ouzbekistan và Turmenistan. Mục đích của dự án này là muốn biến 10 triệu mẫu đất, trước đây là đồng cỏ đại, thành những cánh đồng trồng trọt.

Một năm sau, kết quả của dự án dẫn thủy nhập điền trên là hai phần ba vùng đất được tưới nước đã biến thành những cánh đồng muối không thể trồng trọt gì được. Lý do là sự dẫn nước vĩ đại đã làm trôi lên mặt đất những chất muối trước kia nằm dưới lòng đất. Số đất "sống sót" còn lại được khai thác triệt để quá mức đến nỗi nếu không dùng phân bón hóa học thì không thể gặt hái gì được và cùng lúc để bảo vệ số mùa màng hiếm hoi, người ta đã phải xịt hàng ngàn tấn thuốc sát trùng khiến nước uống ở các vùng này đều bị nhiễm độc. Tình trạng sức khỏe của dân chúng địa phương cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Một trẻ em trên mười chết lúc còn bé và các trường hợp ung thư cổ họng, tuyến giáp trạng (thyroide) cùng các bệnh đau bao tử, cuồng phổi đang đà gia tăng.

Vì thiếu nhận thức hoặc bất chấp ảnh hưởng sinh môi, các nhà công doanh Sô Viết đã tàn hoại đất đai và phá sản dân cư ở vùng Trung Nga Á. Khôn khổ thay, trên thế giới hiện nay có rất nhiều quốc gia cũng đang tái diễn lại cái gương phá sản này.

Làm canh nông, việc dẫn nước về tưới ruộng là đương nhiên, nhưng sau đó phải biết cho đất "nghỉ ngơi" một thời gian để nước mưa có đủ thì giờ cuốn trôi đi số lượng muối trên đất. Ngày nay với tâm lý tiêu thụ, con người muốn gặt hái cho nhiều, cho mau nên dẫn nước cho có để rồi sau một thời gian ngắn, ruộng đất màu mỡ trở thành đất chết. Ở Trung Hoa từ năm 1971 đến năm 1985 đã có hơn 900.000 mẫu đất trở thành đất chết vì lý do trên. Dù máy móc, kỹ thuật có tối tân cách mấy đi nữa, nếu không biết để cho đất nghỉ ngơi thì khó tránh khỏi đất màu thành đất muối.

5. Sông biển thành công rãnh

Trung bình mỗi năm có hơn 400.000 kilô mét khối nước bốc hơi từ biển lên không trung, sau đó biến thành mưa hoặc tuyết rơi trở xuống, 10% số nước này thấm xuống lòng đất, 90% còn lại chảy về biển cả dưới nhiều hình thức : sông ngòi, lạch, thác, suối v.v... Nhà triết gia cổ Hy Lạp Héraclite có nói : "Một người không thể tắm hai lần trong một giòng sông". Đại ý câu này nói lên tính chất hằng chuyển, vô thường của các giòng nước. Nhờ tính chất hằng chuyển này mà các sông ngòi không bị ứ đọng, sinh thối, các chất phế thải ô uế của con người vớt xuống sông đều được cuốn trôi đi và nhờ đó các loại thủy tộc, cá, tôm v.v... mới sinh sống được. Không những cá, tôm sống nhờ nước mà nay cả con người cũng phải nhờ nước mới sống được. Người ta có thể nhịn ăn một tháng nhưng không thể nhịn uống quá một tuần. Trong cơ thể con người có hơn 70 % là nước. Do đó nước là nguồn sống, không có nước là chết. Nước chẳng khác gì sữa của Mẹ Đất. Từ thuở xa xưa con người đã biết tụ họp nhau thành các bộ lạc sống dọc theo hai bờ sông và ngay cả hiện tại các thành phố lớn cũng được dựng trên hai bờ sông : Paris, London, Roma, New York, Bangkok ...

Ngoài việc lấy nước để uống, giặt dũ, tắm rửa, v.v... con người cũng biết tống lại cho giòng nước những chất phế thải ô uế của mình. Khi còn sống thô sơ, giản dị, tiêu thụ ít thì sự phế thải cũng ít, nhờ đó sông có thì giờ cuốn trôi đi những chất ô uế hoặc những chất này có thì giờ tan rã. Nhưng nay với kỹ nghệ khuếch trương, các tỉnh và thành phố lớn dần, sự phế thải của tiêu thụ cũng theo đó mà gia tăng.

Ngoài sự phế thải phân tiêu, rác rến của con người, lại có thêm sự phế thải các chất kim khí, độc tố hóa học của các xưởng kỹ nghệ, hoặc các chất sát trùng từ những cánh đồng do mưa dẫn về. Do đó các giòng nước, sông lạch trở thành ô nhiễm chẳng khác gì công rãnh, đến nỗi cá tôm không còn oxygène để sống. Không những cá tôm chết mà con người cũng chết. Gieo nhân nào thì gặt quả nấy. Chế tạo và gieo vào lòng đất phân bón hóa học, thuốc sát trùng, tống vào giòng nước những thứ ô nhiễm,

người lãnh đủ hậu quả không ai khác hơn là con người, vì những chất trên đều là những chất gây ra các chứng bệnh, nhất là bệnh ung thư.

Tệ hại nhất là ngày nay các nước văn minh Âu Mỹ tuy ý thức được vấn đề ô nhiễm môi sinh, thay vì tìm cách chữa trị tận gốc, sửa đổi mức sống tiêu thụ, lại tìm cách tống những phế thải nhiễm ô của mình đến các nước nghèo chậm tiến ở Phi châu hoặc Á châu. Người ta tính mỗi năm có đến khoảng 20 triệu tấn phế thải kỹ nghệ Âu Mỹ được chở đến Á Phi.

Cá tôm ở sông chết, cá tôm ở biển cũng chết. Trên quả địa cầu, 7 phần 10 là biển cả, do đó người ta vẫn thường nghĩ rằng biển là kho tàng cá tôm vô tận và có thể dư sức hấp thụ những phế thải : "cứ vứt hết ra biển rồi biển sẽ đem ra khơi hoặc đem đi chỗ khác không có hại". Nhưng trên thực tế thì không hẳn như vậy, các luồng sóng biển tuy có cuốn đi những phế thải, nhưng không phải đem ra khơi mà lại đẩy vào các vịnh biển lân cận.

Làm ô nhiễm biển nhiều nhất đó là dầu hỏa. Các tàu chuyên chở dầu hỏa thường bị vỡ ống và làm chảy hết số dầu hỏa ra biển. Ngoài ra, đặc biệt nước Anh và Ái Nhĩ Lan vẫn tiếp tục, mặc dù quy ước quốc tế đã cấm, chở vứt ra biển những phế thải dầu hỏa. Hiện nay tất cả bờ biển Phi châu, Đông Nam Á châu, Bắc Âu châu, Bắc Mỹ châu và Đại Tây Dương đều bị ô nhiễm dầu hỏa. Các loại thủy tộc, cá tôm, chim hải âu, v.v... đều chết vô số kể. Cá tôm chết thì dân chài lưới thất nghiệp. Buồn cười hơn nữa, các nhà ngư nghiệp như ở Anh quốc lại cho vay và khuyến khích ngư dân chế tạo hoặc mua các tàu đánh cá tối tân hơn, to lớn hơn để đánh được nhiều cá hơn. Trong khi đó thì cá chết như rạ, chài lưới không được bao nhiêu, tiền vay lời vẫn mặc tình gia tăng, đã thất nghiệp lại thêm nợ nần chồng chất. Thật đúng là vòng lẩn quẩn.

Biển không tha mà đảo cũng không chừa. Các hải đảo nhỏ cũng được con người chú ý tới khai thác tối đa. Khai thác trong chiều hướng ô nhiễm bằng cách biến những hòn đảo xinh đẹp vùng Thái Bình Dương thành những bãi thí nghiệm bom nguyên tử.

III - Mẹ Đất bệnh thì chúng sinh bệnh

1. Tỵ nạn thiên nhiên

Nhân danh kỹ nghệ văn minh tiến bộ, con người đã và đang tiếp tục tàn phá môi trường thiên nhiên : rừng cây, đất màu, sông biển, không khí v.v... khiến cho dân cư ở đây, vì lâm vào tình trạng thất nghiệp đói kém, phải đi tỵ nạn về tỉnh hoặc thành phố với hy vọng kiếm được sinh nhai.

Trước đây 40 năm, dân số ở các thành thị trên thế giới có khoảng 600 triệu, ngày nay số đó đã lên tới 2 tỷ. Đâu phải ai về tỉnh hoặc sống ở tỉnh cũng dư giả hoặc dễ sống hết đâu. Dân số càng đông thì tổ chức xã hội càng khó và phức tạp. Khổ nhất là cho các nước chậm tiến. Hàng triệu người sống chui rúc trong các chung cư bần dân, những cư xá lụp xụp. Nhà làm bằng mái tôn rỉ cũ xiêu vẹo, cửa sổ vá vúi bằng bao ny lông hoặc giấy các tông, nước uống, nước rửa pha chảy lẫn lộn, trẻ con thiếu ăn, bụng phình trướng, quanh năm suốt tháng sống với tiếng ồn, mùi xú uế, hơi khói, chấy rận. Đó là số phận của những người tỵ nạn thiên nhiên.

2. Xã hội nô lệ hóa

Thông thường người ta đánh giá lịch sử của một dân tộc qua tiến trình văn minh. Từ lúc lên rừng hái quả, săn bắn cho đến canh nông trồng trọt, từ xây cất thành phố cho đến chế tạo phi thuyền. Người ta tin tưởng vào khoa học, vì nhờ khoa học mà các nước Âu Mỹ trở nên tiến bộ và giàu có nhất trên thế giới. Các nước Á Phi rất mơ được như vậy, nhưng họ đâu có hay rằng giấc mơ kia là đầu mối của một cơn ác mộng. Các nước Âu Mỹ hiện nay cũng lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế trầm trọng, nạn thất nghiệp lan tràn, gia tăng. Ngay cả Hoa Kỳ, một quốc gia được xem là giàu có nhất thế giới, mỗi năm ngân quỹ quốc gia cũng thiếu hụt cả chục tỷ mỹ kim.

Khoa học thường đi đôi với duy vật. Ngày nay người ta đánh giá sự thành công của con người qua những tiêu chuẩn như : lương bổng của anh bao nhiêu ? Nhà anh ở khu nào ? Xe hơi của anh hiệu gì, mấy mã lực ? Anh đi nghỉ hè ở đâu ? v.v... Con người chỉ biết có tiền và làm sao cho có được nhiều tiền càng tốt. Nhiều tiền để làm gì chứ ? - Để tiêu thụ ! Chính vì tâm lý tiêu thụ này mà vật giá cứ tiếp tục leo thang và nạn lạm phát không thể ngưng được. Tệ hại hơn nữa, ở Âu Mỹ có một bán chịu (vente à crédit), như vậy lại càng kích thích tâm lý tiêu thụ. Dân chúng không có tiền mà cứ tha hồ mua sắm. Mua trước rồi sẽ trả sau. Không có xứ nào mà dân chúng thiếu nợ nhiều như ở Âu Mỹ. Nợ nhiều thì phải nai lưng ra làm việc để trả nợ. Đa số đến chết vẫn chưa trả hết nợ. Tưởng mình tự do, tự do mua sắm, tự do xài sang, tự do tiêu thụ, nhưng có ai ngờ đâu là mình đang làm nô lệ cho vật chất. Tiêu thụ nhiều thì phải sản xuất nhiều, muốn sản xuất nhiều thì phải khai thác nhiều, khai thác không nương tay, không kiêng nể, không nghĩ gì đến thế hệ con cháu sau này. Làm như xài hết quả đất này thì chúng ta còn có quả đất xơ-cua (secours) thứ hai vậy.

3. Không khí, nước và thức ăn ô nhiễm.

Hãy thử đi bạn, chúng ta là sinh vật mà ! Sinh vật nào mà chả hít thở. Cây cỏ kia còn phải hít thở nữa huống chi là con người. Hít thở là sự sống và cũng là một niềm tự do. Nhưng niềm tự do đó đang bị tước đoạt. Hít thở sao cho nổi khi không khí chỉ toàn là khói bụi, xăng nhớt ?

Một bản thống kê năm 1989 cho biết, ở Hoa Kỳ mỗi năm có khoảng một triệu tấn độc tố hóa học được tổng khứ lên bầu khí quyển từ các xưởng kỹ nghệ. Con số này phải được nhân lên gấp ba nếu ta kể luôn cả khói xe hơi, thuốc sát trùng, phế thải kỹ nghệ trong nước bốc hơi lên.

Sống ở tỉnh hay thành phố mà muốn hít thở được một chút không khí trong lành thật không phải là chuyện dễ. Ra đường thì khói xe hơi, khói kỹ nghệ, vào sở làm thì khói thuốc lá, về nhà thì không khí bết tắc. Do đó mỗi cuối tuần, rất nhiều người tìm cách mau mau thoát khỏi cái tỉnh "phòng ngạt" để về miền quê may ra hít thở được một chút không khí trong lành.

Tìm đâu ra một chút nước sạch để uống ?

Ở các xứ chậm tiến, nhất là vùng thành thị, việc vớt đồ rác rến phân tiêu trong giòng nước, sông hồ là một chuyện rất thường không có gì là lạ cả. Vi trùng, vi khuẩn, sán lãi đua nhau sinh nở trong các ống cống, ống dẫn nước. Xứ đã nghèo, dân chúng lại thất học không biết giữ gìn vệ sinh, tìm được một chút nước sạch để uống không phải chuyện dễ. Ở các xứ văn minh, nước không bị nhiễm ô bởi phân tiêu, rác rến nhưng bởi sự phế thải hóa học. Về nước uống, 20 triệu dân Âu châu tùy thuộc về sông Rhin, nhưng con sông này đã bị nhiễm ô trầm trọng. Biết được nước bị nhiễm ô, thay vì tìm cách chữa trị tận gốc, người ta lại lợi dụng luôn tình thế, chế bán các loại nước suối (eau minérale) đủ thứ nhãn hiệu. Bán cho những dân ý thức được sự ô nhiễm của nước và chỉ muốn uống nước trong lành. Ở trên trái đất này có 7 phần 10 là nước, nước có rất nhiều, có khắp nơi, ngay cả trong nhà chỉ cần vói tay vịn một cái là có nước chảy. Vậy mà không uống được, lại phải ra chợ mua nước suối uống. Tệ hơn nữa, khi uống nước suối người ta lại càng hãnh diện vì nó biểu lộ sự giàu sang, đài các trường giả. Chúng ta cần nhận thức rằng việc tiêu thụ nước suối chính là hậu quả của sự tàn phá và nhiễm ô môi sinh. Ngay cả việc chế bán nước suối cũng vậy, phải khai quật các nguồn suối, chế tạo bình ny lông, vô chai, chắt lên xe vận tải đi hàng ngàn cây số đến trung bán ở các siêu thị. Tất cả cái đó đều góp tăng thêm sự nhiễm ô.

Về thức ăn, bộ canh nông Anh quốc đã phải công nhận rằng tất cả thức ăn bày bán trên thị trường, không có thứ nào mà không bị nhiễm thuốc sát trùng, không nhiều thì ít. Đâu phải chỉ nhiễm có thuốc sát trùng mà thôi, các thức ăn mà chúng ta dùng hàng ngày còn bị nhiễm rất nhiều độc tố hóa học khác, nhất là các chất kích thích tố

(hormones) và trụ sinh (antibiotiques). Các súc vật như gà, vịt, heo, bò ngày nay được nuôi dưỡng những chất trên để da thịt mập mạp, nặng ký để bán.

Thức ăn không những bị ô nhiễm mà lại còn khan hiếm nữa. Là người Việt, may mắn sống ở hải ngoại, vật chất dư giả, chúng ta ít có khi nào để ý tới sự khan hiếm của thức ăn trên thế giới, nhất là ở các xứ chậm tiến Á Phi, mỗi năm có đến hàng triệu trẻ em chết đói. Chúng ta càng ăn sung mặc sướng, hưởng thụ tha hồ bao nhiêu thì dân ở các xứ này càng chết đói bấy nhiêu.

-ooOoo-

IV - Nguyên nhân Mẹ Đất bệnh

1. Sự u mê, tham lam, ích kỷ

Tàn hoại Mẹ Đất, phá sản và nhiễm ô môi sinh không ai khác hơn là con người. Vì u mê, tham lam, ích kỷ nên con người đã lợi dụng trí khôn của mình cùng với những khám phá khoa học để tàn phá môi sinh, và cùng lúc xây đắp đời sống hưởng thụ của mình trên mồ hôi nước mắt của kẻ khác.

Tất cả sự vật trên đời này đều phải nương nhau mà có, cái này có vì cái kia có. Sự sống của con người có mặt vì muôn ngàn sự sống khác có mặt, sự sống của đất đá, của cỏ cây, sông biển, núi rừng, v.v... Tất cả đều góp phần vào sự sống của con người. Con người không thể sống riêng rẽ một mình nếu tất cả các loài khác bị tiêu diệt. Sự sống là một toàn thể. Đây là tính cách duyên khởi của vạn hữu và cũng là lý "trùng trùng duyên khởi" của kinh Hoa Nghiêm. Vì u mê, không biết được điều này nên con người đã thản nhiên ra tay tước đoạt sự sống của mọi loài, cho rằng đó là những thứ được ông Trời hay Tạo Hóa sinh ra cho mình hưởng thụ. Hưởng thụ cho riêng mình TA chưa đủ, chúng ta còn muốn hưởng thụ luôn cho cả vợ Ta, con Ta, gia đình Ta, xã hội Ta, quốc gia Ta. Vì muốn hưởng thụ cho tất cả những cái liên quan đến Ta và của Ta, nên chúng ta trở thành tham lam, ích kỷ. Có một muốn mười, có mười muốn trăm. Muốn nhiều thì tìm ở đâu ra ? Phải moi nơi Mẹ Đất, khai quật các mỏ nguyên liệu. Nhưng nguyên liệu thiên nhiên thì có hạn mà lòng tham của con người thì không đáy. Từ đó sinh ra tranh dành và bóc lột lẫn nhau, mạnh hiếp yếu, giàu lấn nghèo.

Không hiểu các nước chậm tiến Á Phi làm gì mà hơn nửa thế kỷ nay vẫn mãi nghèo đói không góc đầu lên được ? Chẳng lẽ họ không biết bắt chước Tây phương phát triển kỹ nghệ, canh nông, tăng gia sản xuất hay sao ? Họ biết chứ sao không ? Chính vì muốn bắt chước nên họ đã mua sắm rất nhiều máy móc tây phương, mua chịu (à crédit). Vì mua chịu hay nói một cách khác là mắc nợ nên phải cố gắng xuất cảng nhiều. Hàng năm số lượng thực xuất cảng nhiều hơn số nhập cảng và được viện trợ bởi Liên Hiệp Quốc. Vào năm 1973, 36 nước nghèo đói nhất thế giới vẫn phải xuất cảng lương thực đến Hoa Kỳ. Hơn thế nữa, các thức ăn được xuất cảng thường là các thứ hảo hạng, có nhiều chất dinh dưỡng hơn các thức ăn nhập cảng hay được viện trợ.

Dân nghèo phải cong lưng ra cày cấy, đổ mồ hôi sôi nước mắt, để rồi những sản phẩm đó được đem đi bán rẻ ở các nước giàu có Tây phương. Đây há không phải là một hình thức bóc lột sao ?

Cũng vì muốn xuất cảng kiếm ngoại tệ trả nợ mà không biết bao nhiêu ruộng đất tốt đã bị đem đi dùng để trồng các thứ xa xỉ phẩm như hoa mầu, thuốc lá, thay vì trồng lúa gạo cho dân ăn đỡ đói.

Ở Á Phi mỗi năm có đến hàng triệu trẻ em chết đói, trong khi đó ở Tây phương người ta vẫn thản nhiên tiếp tục ăn chơi tiêu thụ làm như hai bên không liên quan gì với nhau. Như vừa thấy ở trên, cuộc sống ăn chơi tiêu thụ của Tây phương được xây dựng trên sự bóc lột mồ hôi nước mắt của dân nghèo Á Phi, như vậy làm sao có thể nói là không liên quan đến nhau. Thầy Nhất Hạnh có nói trong quyển Tương Lai Văn Hóa Việt Nam: "Nếu Tây phương bớt ăn thịt và uống rượu lại 50% thì hàng chục triệu trẻ em Á Phi sẽ khỏi phải chết đói mỗi năm... Hạt lúa thay vì dùng để nuôi trâu bò gà vịt và để nấu rượu thì có thể đem đi cứu đói tại các nước này."

Các nước Á Phi vẫn không ngớt cầu cứu Tây phương viện trợ để phát triển kỹ nghệ, họ cho rằng sự nghèo đói của họ là do chậm tiến mà ra, nhưng họ không hay rằng "phát triển kỹ nghệ" theo lối Tây phương ngày ngày đồng nghĩa với "khai thác môi sinh". Bao nhiêu tài nguyên (tức là tặng phẩm của Mẹ Đất) như dầu hỏa, than, sắt, đồng, chì, v.v... đều đang cạn dần vì sự khai thác quá lộ. Tại sao như vậy ? Đó chẳng qua là để thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ (nói gọn hơn là lòng tham) của dân giàu có, dư ăn dư mặc.

Một điển hình cụ thể và rõ ràng nhất của sự tiêu thụ phí phạm vô lý đó là kỹ nghệ xe hơi. Các nước Tây phương đua nhau sản xuất xe hơi, ngày càng tối tân hơn, chạy nhanh hơn (có thể chạy trung bình từ 200 đến 300 cây số giờ) trong khi đó thì luật lưu thông như ở Pháp cấm không cho chạy quá 60 cây số giờ trong thành phố hoặc 140 cây số giờ trên xa lộ. Thử hỏi chế tạo xe hơi như thế có ích lợi gì, nếu không là để dân chúng chạy quá tốc độ, vi phạm luật lưu thông hoặc gây ra tai nạn. Ở Pháp mỗi năm có đến hàng ngàn người chết vì tai nạn xe cộ. Đó là chúng ta chưa kể đến giá "sinh môi", tức là ảnh hưởng của sự khai thác môi sinh để tạo ra một chiếc xe hơi. Muốn chế tạo xe hơi, trước tiên cần phải có kim khí như sắt, nhôm, kẽm, đồng, chì, v.v... và như vậy thì phải khai quật các mỏ kim khí, nấu chảy, đúc nguội; tiếp theo cần đến các chất nhựa, cao su và thủy tinh, tức là phải khai thác các mỏ nhiên thạch; sau đó phải chuyên chở tất cả các thứ trên đến xưởng chế tạo. Các xưởng này cần phải vận dụng nhiều năng lượng, do đó cần phải được kiến thiết rộng lớn và trang bị máy móc tối tân. Cùng lúc chế tạo xe hơi, người ta phải xây cất đường xá, xa lộ, tức là phải cần đến đá, sỏi, xi măng, dầu hắc, v.v... và như vậy lại phải khai mỏ, giứt mìn, phá núi, lấp vá ruộng đồng. Khi xe được chế tạo xong, đâu phải là chạy được ngay,

cần phải có xăng, dầu, nhớt, tức là phải khai thác các mỏ dầu hỏa, phải bơm, lọc, chuyên chở. Rất nhiều tàu chở dầu hỏa thường gặp tai nạn làm đổ dầu lai láng biển cả. Kỹ nghệ dầu hỏa tổng khứ rất nhiều khí độc và làm ô nhiễm môi sinh nhiều nhất trong số các loại kỹ nghệ. Từ đầu đến cuối, cứ mỗi giai đoạn là mỗi khai thác và làm ô nhiễm môi trường sinh sống thiên nhiên. Đến đây chưa phải là hết, mỗi lần xe chạy, nó nhả nhiều khói độc có hại cho sức khỏe con người và cỏ cây. Sau cùng khi xe cũ mòn, không chạy được nữa, người ta tìm cách phế thải và như vậy lại làm ô nhiễm môi sinh lần nữa.

Trên đây chỉ là một thí dụ nhỏ nói lên sự phí phạm tài nguyên gây ra bởi xã hội tiêu thụ Tây phương. Tiêu thụ nhiều bao nhiêu thì tài nguyên cạn dần bấy nhiêu, lúc đó phải tính đến chuyện nhòm ngó nước khác và như vậy gây ra tranh dành giữa các cường quốc, hoặc chiến tranh xâm lược các nước nhược tiểu. Trên thế giới hiện nay, với số lượng vũ khí dư đủ để làm nổ tung 20 lần quả đất, người ta vẫn tiếp tục chế tạo những thứ độc địa hơn, dù đó là vũ khí hóa học, nguyên tử hay hạt nhân. Mặc dầu giữa hai cường quốc Nga Sô và Hoa Kỳ, sự kinh chống nhau đã nhường chỗ cho sự thỏa hiệp bắt tay nhau để giải tỏa bớt các hỏa tiễn, vũ khí nguyên tử, nhưng không phải vì thế mà vũ lực nguyên tử giảm dần. Các nước chậm tiến vẫn đang hăng say trang bị vũ khí nguyên tử như Do Thái, Nam Phi, Ấn Độ, Pakistan và Irak. Một số đông các nước khác, vì nghèo hơn, cũng cố gắng trang bị vũ khí hóa học mà họ mệnh danh là "bom nguyên tử của nước nghèo". Viện cứ rằng các nước nhược tiểu vẫn tiếp tục chế tạo vũ khí nguyên tử nên các nước tiến bộ Tây phương không chịu giảm vũ lực của mình, ngược lại họ nhân cơ hội này để bán vũ khí cho các nước chậm tiến khác. Với sự thỏa hiệp hai khối Đông Tây hiện nay, có thể các dàn hỏa tiễn Âu châu sẽ không còn chĩa mũi về phương Đông nữa mà sẽ quay 90 độ để chĩa về phương Nam. Đến năm 2000, sự sản xuất dầu hỏa của Hoa Kỳ và Anh quốc sẽ không còn đáng kể và cùng lúc các quốc gia thuộc vịnh Ba Tư (Gulf Persique) sẽ chiếm phần quản lý tiếp vận dầu hỏa cho thế giới. Nếu lúc đó các nước này dờ dưng không chịu bán dầu hỏa hoặc làm khó dễ tăng giá quá mức thì sao ? Các nước kỹ nghệ Tây phương có chịu để yên không hay là sẽ sẵn sàng dùng vũ lực uy hiếp ? Với đà trang bị và chế tạo vũ khí hiện nay ở vùng Trung Đông liệu các nước Hồi giáo này có chịu thua kém không ? Trong tương lai vùng Trung Đông sẽ là mối đe dọa lớn nhất cho nền hòa bình thế giới.

Tóm lại nếu con người cứ tiếp tục tiêu thụ quá mức, khai thác và tàn hoại môi sinh thì không biết xã hội tân thời này sẽ sống còn trong vài thế kỷ tới hay không ? Hay là sẽ bị tiêu diệt bởi sự bùng nổ của chiến tranh nguyên tử. Hoặc giả nếu không chết vì chiến tranh thì cũng chết vì đói, vì thiên tai, hạn hán, bảo lụt và bệnh dịch.

2. Gương xưa châu Đại Dương

Cách đây khoảng hơn 12.000 năm về trước, trên trái đất có một châu tên là châu Đại Dương (Atlantide). Người ở đây rất thông minh, nền văn minh của họ tiến bộ gấp trăm hay ngàn lần nền văn minh khoa học của chúng ta hiện nay. Họ đã chế biến những dụng cụ rất tối tân, có thể làm đảo lộn thời tiết như biến mùa Đông ra mùa Hè, có thể vận dụng ý tưởng để di chuyển đồ vật, v.v... Tuy nhiên sự tiến bộ khoa học mà không đi đôi với đạo đức thì dễ gây ra thảm họa. Một số người gian ác đã lợi dụng khoa học để gây phe đảng và củng cố quyền lợi cá nhân. Từ đó xảy ra chiến tranh giữa các bè phái, họ đem ra những vũ khí rất ưu là tối tân và độc địa để tàn sát lẫn nhau, và cùng lúc họ cũng vô tình hủy hoại vùng đất nơi họ đang ở. Một số các hiền giả đạo đức thấy rõ nguy cơ diệt chủng sắp đến, nên họ đã tìm cách di cư lánh nạn. Một số di cư sang châu Âu và lập nghiệp ở Ai Cập (Egypte), nơi đây có những Kim Tự Tháp được xây trước đây trên 6000 năm, đó là những vết tích văn minh của nhiều thế hệ con cháu giống dân Đại Dương (Atlantes), một số khác di cư sang châu Mỹ và họ là sơ tổ của các giống dân Mayas, Incas. Ở miền nam Mỹ châu cũng có những Kim Tự Tháp tương tự như ở Ai Cập, với vài nét kiến trúc hơi khác.

Các nhà tiên tri Atlantes đã đoán đúng, sau cùng châu Đại Dương đã bị một trận Đại Hồng Thủy, tức đã bị những trận thiên lôi địa chấn và chìm xuống đáy biển. Nơi đây sau này trở thành biển Đại Tây Dương (Océan Atlantique) ngăn cách châu Âu và châu Mỹ.

Sự tích của châu Đại Dương được đa số xem là một huyền thoại, nhưng vẫn có một số ít các nhà khoa học khảo cổ tin chắc sự hiện hữu của châu này. Ở đời đâu phải chỉ có những gì mắt thấy tai nghe mới là thật có, có rất nhiều điều tai trần mắt thịt của chúng ta không nghe không thấy mà chúng vẫn hiện hữu. Thí dụ điển hình như Kim Tự Tháp Ai Cập, đến nay vẫn chưa ai hiểu nổi làm sao cách đây 6000 năm, con người đã có thể khiêng và chồng lên nhau gần 2 triệu tảng đá, với mỗi tảng nặng khoảng 2 tấn.

Hiện nay nhân loại đang đi vào con đường diệt vong cũ của châu Đại Dương mà không hay biết. Ở đời đã có biết bao nhiêu cuộc bể dâu, trước kia là biển nay thành đồng hoang, trước kia là núi nay thành biển cả. Mặt mũi của Trái Đất cũng thay đổi như mặt mũi của chúng ta. Khi vui mặt đẹp, khi buồn sầu đau. Khi con người biết sống trong thương yêu, hòa thuận với nhau thì mặt đất cũng xinh tươi, lúa mạ phì nhiêu, nhà nhà ấm no hạnh phúc. Khi con người thâm hiểm, gian ác, ích kỷ, chỉ gây đau khổ cho nhau thì mặt Trái Đất cũng nhăn nhó, động đất, thiên tai, bão lụt, nhà nhà đói khổ, than oán.

V - Xin cứu độ Mẹ Đất

Có ý thức được tính cách đồng sinh cộng tử của mọi loài và tình trạng bi đát của Trái Đất đang bị tàn hoại thì mới nghĩ đến chuyện cứu độ Trái Đất. Còn nếu cứ tiếp tục sống tham lam ích kỷ chỉ lo hưởng thụ cá nhân thì việc cứu độ Trái Đất sẽ trở thành một việc lo sợ viễn vông.

1. Phật pháp bất ly thế gian pháp

Từ đầu sách đến đây, bạn đọc có thể tự hỏi sao mãi chưa thấy nói gì đến giáo lý đạo Phật. Xin nhắc bạn một điều : "Phật pháp bất ly thế gian pháp". Nếu tách rời các pháp thế gian ra thì không thể có Phật pháp. Đức Phật xưa kia cũng phải ăn, mặc, đi, đứng, ngủ, nghỉ... Giáo lý của Phật không nói chuyện trên trời dưới biển hay những chuyện siêu hình mà nói về những chuyện rất thực tế như sinh, già, bệnh, chết. Và lại cuộc tầm đạo của thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha) phải chăng đã bắt nguồn từ sự nhận thức thực tại khi ngài dạo chơi qua bốn cửa thành ? Có thấy khổ mới tìm cách cứu khổ. Nhận thức được thực tại khổ đau là cửa vào đầu tiên của đạo Phật. Cũng vậy, vấn đề nhận thức về hiện trạng tàn hoại của Trái Đất là vấn đề chính yếu cần phải được nhấn mạnh trước khi nói đến việc cứu độ Trái Đất. Dù có là Phật tử đi nữa, bạn đọc cũng không nên để giáo lý hay những danh từ Phật học quản thúc và hạn cuộc mình. Bạn đọc hãy tập nhìn thẳng vào thực tại bằng con mắt quán chiếu của thương yêu và hiểu biết.

Trong thế gian có rất nhiều người thực hành Bồ Tát đạo mà không mang danh Bồ Tát hoặc không hề hay biết gì về đạo Phật. Đó là những người hy sinh thân mạng, tài sức của mình để cứu giúp kẻ khác. Thí dụ như Mẹ Térésa (người lãnh giải Nobel Hòa Bình năm 1979), suốt đời cứu giúp người cùi, các hội từ thiện nhân đạo như Hội Bác Sĩ Không Biên Giới (Médecins sans frontières), Hội Bác Sĩ của Địa Cầu (Médecins du Monde), Hội Hồng Thập Tự (Croix Rouge), v.v... Họ lặn xả vào các vùng khói lửa chiến tranh để cứu cấp, chữa trị dân lành bị tàn sát bởi hai phe thù nghịch. Các nhà bảo vệ môi sinh (écologistes) đứng ra lớn tiếng hô hào phản đối sự lạm dụng bành trướng kỹ nghệ nguyên tử. Việc làm của họ hình như không dính líu gì đến Phật pháp cả, nhưng đứng trên tinh thần của đạo Phật thì chúng ta có thể xem họ như những vị Bồ Tát, vì họ đang ra tay cứu độ Trái Đất.

Cứu độ Trái Đất là việc chung của tất cả mọi người, mọi dân tộc, mọi quốc gia trên thế giới chứ không phải của riêng một nhóm người nào. Riêng hàng Phật tử, chúng ta lại càng phải ý thức và ra tay ngay từ bây giờ, vì chúng ta đã nguyện theo gương Đức Phật, sống từ bi hỷ xả, ban vui cứu khổ mọi loài, chẳng lẽ chúng ta lại thờ ơ mặc cho Mẹ Đất bị tàn hoại để rồi những thế hệ con em của chúng ta sau này sẽ lâm vào cảnh đói khát, hạn hán, thiên tai, bão lụt và chiến tranh ? Trong các thời kinh nhật tụng, chúng ta vẫn thường nguyện cứu độ tất cả chúng sinh, đây là một điều nguyện cao

thượng rất tốt. Nguyện có nghĩa là tự hứa với mình, là điều căn bản đầu tiên của sự tu hành, nhưng sau đó phải tập bước sang phân thực hành thì lời nguyện đó mới có thể thành tựu được. Cứu độ Trái Đất cũng nằm trong phân cứu độ chúng sinh vì nếu Trái Đất bị tàn phá hoại diệt thì chúng sinh cũng theo đó mà chết dần, chết mòn.

Các nhà bảo vệ môi sinh trên thế giới có đưa ra rất nhiều giải pháp để cứu vãn tình hình như : hạn chế sự khai thác tài nguyên; tái thiết và sửa sang các môi trường đã bị tàn phá; phớt bỏ dần những sinh hoạt gây tổn hại thiên nhiên và cùng lúc khuyến khích các kỹ thuật sản xuất biết nể thương Trái Đất; chuyển hóa dần xã hội tiêu thụ phung phí về một xã hội biết tiết kiệm nguyên liệu hữu hạn và giảm thiểu sự phế thải để bớt ô nhiễm môi sinh, v.v... Tất cả những dự án này đều hay và đúng cả, nhưng nếu nhìn kỹ một chút, ta sẽ thấy nó vẫn chưa nhằm giải quyết tận gốc vấn đề. Nguyên nhân hay thủ phạm của sự tàn phá, nhiễm ô môi sinh chính là con người chứ không phải là khoa học hay kỹ thuật. Hẳn bạn đọc còn nhớ thuyết nhân duyên của đạo Phật, cái này có vì cái kia có, cái này sinh vì cái kia sinh, cái này diệt vì cái kia diệt. Có nhiễm ô bên ngoài vì có nhiễm ô bên trong. Bên ngoài ở đây tức là môi trường sinh sống thiên nhiên và bên trong chính là con người. Trong con người thì tâm làm chủ của mọi hành động tạo tác. Nếu tâm bị nhiễm ô bởi tham lam, sân hận, u mê, ích kỷ thì đương nhiên con người sẽ hành động ô nhiễm và như vậy thì môi sinh lãnh đủ. Do đó nếu chúng ta muốn thanh tịnh hóa thiên nhiên thì phải thanh tịnh hóa thân tâm của mình trước hết.

Muốn cứu độ Mẹ Đất, chúng ta không cần phải Cầu An hay Cầu Siêu nhiều cho Mẹ Đất mà hãy tập sống đời tỉnh thức, tu tập chánh niệm, sống đời thiểu dục, nuôi dưỡng đức hiếu sinh. Cuộc sống của chúng ta liên quan ảnh hưởng đến sự sống của mọi loài và ngược lại cũng vậy. Đây chính là lý "trùng trùng duyên khởi" của kinh Hoa Nghiêm. Cũng may là nhờ có sự tương quan tương duyên như thế mà chúng ta mới mong thanh tịnh hóa được môi sinh.

2. Sống đời tỉnh thức

Sống đời tỉnh thức tức là ngược lại với sống đời lãng quên, sống say chết ngủ. Sống mà không làm chủ được mình để cho sự đam mê vật chất lôi cuốn đi như kẻ say, ăn chơi tiêu thụ, thỏa mãn dục lạc để rồi cuối ngày lăn ra ngủ như một người chết. Sống tỉnh thức tức là ý thức được sự sống của mình và của mọi loài, ý thức được sự màu nhiệm và quý báu của sự sống, ý thức được những gì đang xảy ra nơi mình và chung quanh mình. Thí dụ khi cắn một miếng bánh mì, ta ý thức được sự tàn sát hàng tỷ côn trùng, sâu bọ của người nông dân khi trồng lúa; khi cầm trong tay một bát cơm dẻo thơm, ta ý thức được sự may mắn của mình và cùng lúc thấy được công phu lao tác, cày sâu cuốc bẫm của hàng triệu dân nghèo đói Á Phi; khi uống một tách trà thơm, ta biết trà này từ đâu đến, đã có rất nhiều đất đai màu mỡ, thay vì được dùng để trồng lúa gạo, thực phẩm, đã bị đem đi trồng trà hay cà phê để xuất cảng, trong khi đó mỗi

năm có đến hàng chục triệu người chết đói; mỗi khi cầm trong tay một tờ báo, ta ý thức được đã có không biết bao nhiêu rừng cây bị đốn phá để làm bột giấy; mỗi khi lên xe rô máy, ta biết được ảnh hưởng của sự di chuyển của ta trên bầu khí quyển v.v...

Từ lâu chúng ta đã quen sống một cách hối hả, phóng túng, bên ngoài thì chạy theo vật chất, danh lợi, bên trong thì chạy theo quá khứ, tương lai, sống với những ảo tưởng và phiền não, vì thế nên khó có thể một sớm một chiều mà trở về cuộc đời tỉnh thức. Muốn sống tỉnh thức chúng ta phải tu tập chánh niệm, tức là đưa tâm trở về giờ phút hiện tại, ý thức được nh"ng gì đang xảy ra trong và ngoài thân : đang ăn biết mình đang ăn, đang đi biết mình đang đi, v.v... Trong đạo Phật có một pháp môn rất hay để tu tập chánh niệm đó là pháp Thiền Tứ Niệm Xứ (Satipatthana). Nhờ có chánh niệm tỉnh thức, chúng ta mới có thể nhìn sâu vào lòng thực tại (danh từ đạo Phật gọi là quán chiếu) thấy được mối liên quan giữa ta và vạn vật. Thấy và hiểu được như vậy chúng ta sẽ không dám tàn sát sinh vật và tiêu thụ thừa của nữa mà ngược lại sẽ biết xót thương mọi loài và muốn sống đời thiểu dục.

3. Đức Hiếu sinh và Tình Thương Nhân Loại

Hiếu sinh là quý trọng và bảo vệ sự sống. Chúng ta tham sinh úy tử bao nhiêu thì các loài khác cũng ham sống sợ chết bấy nhiêu. Hơn nữa sau khi thấy được tính cách đồng sinh cộng tử của mọi loài làm sao chúng ta có thể điềm nhiên tước đoạt sự sống của loài khác ? Đức Hiếu sinh là một đức lớn nhất của đạo làm người. Phật tử ăn chay cũng chính là để thể hiện đức này. Ngoài việc ăn chay tránh sát sinh, chúng ta cũng cần tham gia tích cực "chống lại tất cả những gì đe dọa sự sống và đe dọa tàn phá môi trường của sự sống : chiến tranh, vũ khí nguyên tử, phóng xạ nguyên tử, sự khai thác và xài phí không nương tay những nguyên liệu của trái đất, sự chế tạo và tiêu thụ những hóa phẩm không thực sự cần thiết" (Trích Tương Lai Văn Hóa Việt Nam).

Ngoài đức hiếu sinh, chúng ta cũng cần phát triển tình thương nhân loại. Là con người, ai cũng cần tình thương để sống. Nếu không có tình thương, con người sẽ khô héo, đau khổ mà chết. Tình thương cũng như một thứ nước cam lồ vậy. Tình thương trong đạo Phật thường được biểu hiện qua hình ảnh của Quan Thế Âm Bồ Tát. Ai cũng biết đây là một vị Bồ Tát giàu lòng từ bi, đã phát nguyện cứu vớt những ai kêu khổ, bởi lý do đó nên chúng ta thường niệm danh hiệu của Ngài. Khi niệm danh hiệu cũng có hai cách : tiêu cực và tích cực. Cách niệm tiêu cực là người niệm chỉ thấy mình là nạn nhân đau khổ của cuộc đời, của nghiệp báo, nên kêu gọi tên Ngài cầu cứu. Nói một cách khác, người niệm kiểu này là người rất cần tình thương. Cách niệm tích cực là người niệm ý thức được trong tâm mình cũng có những đức tính từ bi của Quan Thế Âm, nhưng những đức tính này không được phát triển. Do đó niệm Quan Thế Âm Bồ Tát là để nhớ lại những đức tính này, tìm cách phát triển và thể

hiện ra ngoài. Niệm danh hiệu Quan Thế Âm là tìm cách trở thành Quan Thế Âm, tưới tẩm mình bằng nước cam lồ của tình thương và chia sẻ cho người khác. Niệm càng nhiều thì tình thương càng lớn, người mà có tình thương rộng lớn đối với mọi loài, nếu không phải Bồ Tát thì là gì nữa ?

Chúng ta thấy, cũng cùng niệm danh hiệu như nhau, nhưng hiệu quả có khác : Một đàng niệm mà vẫn mãi mãi làm chúng sanh nghèo đói tình thương, một đàng niệm mà dần dần trở thành Bồ Tát giàu có tình thương ban rải cho người khác. Vậy người Phật tử hãy cố gắng niệm danh hiệu Phật hay Bồ Tát theo cách tích cực này.

Hiệu lực của tư tưởng hay tâm niệm quan trọng lắm. Trong Đạo Phật có nói rằng một niệm dung thông tam giới, hoặc TÂM dẫn đầu các Pháp, v.v... Thiên đàng hay Địa ngục cũng đều do TÂM mà ra. Chiến tranh bùng nổ đâu phải ngẫu nhiên mà có, nó bắt nguồn từ những tư tưởng, ý niệm chia rẽ, hận thù, gian ác. Xã hội suy đồi, thoái hóa là do ảnh hưởng của những tư tưởng ích kỷ, tham lam, trụy lạc. Chúng ta thường cho rằng tư tưởng hay ý niệm không có hình tướng, nhưng đó chỉ vì mắt trần không trông thấy mà thôi. Mắt trần không trông thấy được không khí, vi trùng hay vi khuẩn nhưng phải chăng chúng không có? Phải cần những máy móc khoa học, kính hiển vi mới thấy được. Những người tu có thiên nhãn hay tha tâm thông đều có thể thấy được tâm niệm của kẻ khác.

Ngày nay khoa học đã có những máy đo làn sóng điện não (électro-encéphalogramme) hoặc máy chụp hình hào quang của Kirlian (một nhà khoa học Nga) có thể chụp được hào quang (aura) thể phách, thể vía, và thể trí của con người. Thí dụ như một người đang có sự giận tức trong tâm thì hình chụp cho thấy chung quanh người được bao phủ bởi một đám mây màu đen, hoặc đỏ thẫm. Một người tu hành đạo đức thì có hào quang màu vàng cam. Qua màu sắc và cường độ của hào quang, người ta có thể đoán biết được tình trạng sức khỏe, tình cảm và tâm linh của đương sự. Nếu 100 người gần nhau và cùng có những tâm niệm sân hận thì người có thiên nhãn sẽ thấy đó là một đám mây khổng lồ màu đen đỏ thẫm. Có lẽ vì thế mà xưa kia trong truyện Tây Du Ký, Tề Thiên Đại Thánh thấy được từ xa những nơi có yêu khí bốc lên ngùn ngụt ?

Ngày nay, nếu một phi hành gia có thiên nhãn, ở trong không gian mà nhìn lại Trái Đất thì sẽ thấy nó bị bao phủ bởi những đám mây đen, đỏ u ám, màu của những tư tưởng tham lam, ích kỷ, u mê, hận thù ... Và như vậy thì Trái Đất sẽ phải chết, hoặc nếu muốn sống thì nó phải vùng vẫy chuyển mình để thoát khỏi đám mây độc hại này. Một con chó mà trên người nó có nhiều rận hay bọ chó bám vào hút máu thì nó sẽ, hoặc chết dần chết mòn, hoặc vùng vẫy, dẫy dựa để tìm cách hất tung những con rận ra khỏi mình nó. Quả đất cũng sẽ như thế!

Để cứu vãn tình thế, hóa giải những đám mây hào quang u ám bao bọc Trái Đất, chúng ta hãy tập phóng ra những ý niệm lành, phát khởi thật nhiều và thường xuyên những tư tưởng thương yêu, hiểu biết. Khi những tư tưởng này thấm nhuần thân tâm ta rồi thì nó sẽ khởi ra hiện hình một cách tự nhiên, không cần ai sai bảo, không cần ai biết tên đề ý.

Để có một ý niệm khởi đầu, chúng ta có thể tập phát khởi thường xuyên trong ngày những ý niệm như sau :

1. Nguyện cho tất cả mọi loài đều được an vui hạnh phúc, chuyên tạo điều lành.
2. Nguyện cho tất cả đều thoát khỏi đau khổ, phiền não, ngưng tạo điều ác.
3. Nguyện cho tất cả đều có tâm hoan hỷ, thương yêu nhau, không oán ghét, hận thù.
4. Nguyện cho tất cả đều có tâm bình đẳng, không phân biệt chia rẽ người thân, kẻ thù.

Trên đây là bốn điều mà trong Phật giáo gọi là Tứ Vô Lượng Tâm, tức là bốn tâm niệm rộng lớn đem lại hạnh phúc cho muôn loài.

Có những vị tu sĩ, đạo sĩ thường ẩn tu hay ẩn mình nơi thâm sơn cùng cốc. Bề ngoài họ có vẻ như lánh đời, không giúp ích gì cho thế gian, nhưng ta nào có biết, ngày đêm họ không ngừng phóng ra những tư tưởng thiện lành cho nhân loại. Nếu ta có trong tay máy đo điện từ trường, hoặc máy chụp hào quang thì có lẽ ta sẽ thâm cảm ơn họ đã góp phần vào sự cứu độ Trái Đất, vào sự sống còn của nhân loại.

4. Thiểu dục tri túc

Thiểu dục tri túc có nghĩa là ít ham muốn và biết dùng vừa đủ. Không nên làm thiểu dục với keo kiệt. Keo kiệt tức là ích kỷ, khư khư ôm lấy tiền bạc không dám chi xài gì cả, không biết bố thí làm phước, không biết giúp đỡ kẻ nghèo khó. Người keo kiệt là người ham muốn nhiều, ham muốn tích trữ tiền bạc của cải cho cá nhân mình. Thiểu dục tri túc được kể là điều giác ngộ thứ hai trong tám điều giác ngộ của các bậc đại nhân (Kinh Bát Đại Nhân Giác). Người có trí hiểu rằng ham muốn nhiều là nguyên nhân của khổ đau, bao nhiêu cực nhọc trong cuộc đời đều do ham muốn mà ra. Người ít ham muốn thì không bị hoàn cảnh sai sử và nhờ đó cảm thấy thân tâm được thư thái nhẹ nhàng. Người thiểu dục tri túc là người biết sống tiết kiệm, không chi xài phung phí, thái quá. Trong Luật Tạng có kể rằng, một ngày kia thầy Ananda đã có dịp cắt nghĩa cho Vua Udena (Ưu Điền) cách dùng tiết kiệm một tấm áo cà sa. Khi thầy Tỳ Kheo được cúng dường một tấm y cà sa mới thì tấm y cũ không bị vứt đi mà sẽ được dùng làm khăn trải giường. Khi tấm khăn trải giường này cũ thì nó sẽ được dùng làm khăn trải nệm. Khi khăn trải nệm cũ thì nó được dùng làm chăn đắp ngủ. Khi chăn đắp ngủ cũ thì nó được dùng làm giẻ lau. Khi giẻ lau này rách nát thì

nó được trộn với đất sét để lấp vá sàn nhà hay vách tường bị nứt vỡ, và như vậy không có gì bị phí phạm cả.

Người tiêu xài phung phí được ví như "kẻ ăn táo rừng". Có một người muốn ăn táo bèn vào rừng hái táo. Đến dưới chân cây táo, anh ta không leo lên hái mà lại đứng rung cây làm tất cả táo trên cây đều rụng hết, chín cũng như chưa chín. Sau đó anh ta chỉ nhặt lựa những trái đẹp ưa thích còn bao nhiêu trái khác để lại mặc cho tất cả bị thối rữa. Hành động này trước hết được xem là vô ý thức (không tinh thức), thứ hai là phí phạm, chỉ cần vài ba quả mà làm rơi rụng thối rữa hàng chục quả, thứ ba là bất nhân, không biết thương nghĩ đến kẻ khác đang thiếu ăn. Đa số chúng ta trong đời sống hàng ngày đều có những hành động không khác gì "kẻ ăn táo rừng" trên. Quần áo chỉ cần vài ba bộ là đủ mặc che thân, vậy mà mua hết bộ này đến bộ kia rồi chất đống trong tủ, có khi cả năm không đụng đến. Ăn thì nhất định đòi ăn thịt này cá nọ, cao lương mỹ vị, trong khi đó thì rau cải, ngũ cốc cũng đủ chất dinh dưỡng để sống. Thay vì có thể đi bộ được 100 thước, vừa làm thể dục vừa khỏe chân tốt máu thì lại nhảy lên xe hơi rò máy, vừa tốn xăng lại làm ô nhiễm không khí.

Chúng ta hãy tập làm chủ lấy mình, đừng để cho bích chương quảng cáo, vô tuyến truyền hình hấp dẫn mê hoặc, chạy theo lối sống tiêu thụ, đua đòi xa hoa của Âu Mỹ. Đối với đồ dùng hư cũ cũng không nên phế thải bừa bãi. Ở Việt Nam có một bán ve chai rất tốt mà ngày nay ở Tây phương họ cũng làm tương tựa bằng cách đặt ở các đầu đường những thùng rác đặc biệt chuyên thu nhặt vỏ chai thủy tinh để nấu lọc dùng lại. Họ cũng biết mua lại các sách báo cũ để xay ra và chế tạo thành giấy dùng trở lại. Như vậy tránh khỏi phá rừng khai mỏ, làm kiệt quệ tài nguyên của Trái Đất.

Không ai cấm chúng ta tiêu thụ cả, nhưng hãy tiêu thụ một cách thông minh và ý thức. Hãy xem gương loài ong bướm kia, chúng hút nhụy hoa để sống mà không làm hại hoa, không tàn phá hoa, ngược lại chúng làm cho hoa thêm vẻ đẹp. Nếu so sánh cách biết tiêu thụ thì chúng ta thua xa loài ong bướm kia nhiều lắm. Chúng ta đã và đang tiếp tục hút nhựa sống của Mẹ Đất và tàn hoại Mẹ Đất. Có thể vì mãi lo làm ăn sinh sống nên chúng ta không hay biết hoặc không ý thức được việc Mẹ Đất đang lâm nguy, nhưng nay biết được thì chúng ta phải lo cứu độ Mẹ Đất càng sớm càng tốt, kéo sau này có hối thì đã quá muộn.

5. Thông điệp

Cứu độ Mẹ Đất là một thông điệp quan trọng hiện nay trên thế giới mà người Phật tử không thể không biết đến. Nhiều bậc tôn đức trong Phật giáo từ lâu đã ý thức được tính cách đồng sinh cộng tử, tương quan tương duyên của mọi loài nên đã lên tiếng cảnh tỉnh và nhắc nhở chúng ta, nhưng thông điệp của các ngài, chúng ta vẫn chưa tiếp nhận được vì mãi mê theo vật chất, sống đời lãng quên.

Thiền sư Ajahn Pongsak trụ trì chùa Palad (Wat Palad) gần tỉnh Chiang Mai vùng bắc Thái Lan, năm 1980 đã đích thân ra tay hướng dẫn dân làng vùng Mae Soi tái thiết lại các khu rừng bị tàn phá và dẫn nước về làm sống lại vùng đất khô cằn, mặc dù vùng Mae Soi đã bị chính phủ tịch thu và ra lệnh cấm không cho ai được quyền đụng tới. Ban đầu việc làm của ngài gặp nhiều trở ngại, phản đối của nhà cầm quyền. Ngay cả một số đệ tử cư sĩ của ngài, hiện nay có chức sắc trong chính phủ cũng làm ngơ không giúp đỡ vì họ không hiểu được rằng sự tái thiết rừng cây chính là Phật sự. Đối với họ, Phật sự có nghĩa là xây chùa tháp và cúng dường chư Tăng. Tuy vậy ngài vẫn kiên nhẫn tụ họp dân làng và giảng giải cho họ rằng : " Đối với người nông dân, rừng cây không những là căn nhà thứ nhất (từ đó mới có gỗ để xây nhà ở) mà cũng là cha mẹ thứ hai. Đất màu có thể trồng trọt được và cho ra hoa quả là nhờ nước, và nước ở đây chính là do rừng cây cung cấp. Có rừng cây thì mới có thức ăn. Nếu ta mang ơn cha mẹ đã sinh ra ta thì sao ta có thể quên ơn rừng cây nuôi sống ta ? Một cái tâm không biết ơn rừng cây là một cái tâm thô tục, không có giới pháp, và một cái tâm như thế làm sao có thể mong giác ngộ được? " (Trích Buddhism and Ecology). Việc làm của ngài sau cùng cũng đã thành công và được sự ủng hộ của trong và ngoài nước.

Đức Dalai Lama, vị lãnh đạo quốc gia và Phật giáo Tây Tạng, người đã lãnh giải thưởng Nobel Hòa Bình thế giới năm 1989, trong buổi diễn văn tại Oslo nước Na Uy có nói : "Chúng ta biết rằng gây ra chiến tranh nguyên tử ngày nay chính là một hình thức tự sát toàn thể; làm ô nhiễm không khí hoặc biển cả, chỉ vì muốn kiếm một chút lợi tức phù du, chính là tàn phá nền tảng của sự sống còn. Mỗi cá nhân và mỗi quốc gia đã trở nên tương quan tương sinh một cách mật thiết đến nỗi chúng ta không có cách nào khác hơn là phải tập sống với tinh thần trách nhiệm đại đồng".

Trong giới Phật Giáo Việt Nam thì có Thầy Nhất Hạnh, từ lâu trong các tác phẩm của Thầy đã bằng bạc nhấn mạnh tính cách tương duyên tương sinh của mọi loài, nhất là vấn đề bảo vệ môi sinh.

Riêng ở đây, trong khi viết tập sách này, tôi cốt hướng về hàng Phật tử và gợi lên một vấn đề nhận thức liên quan đến lý duyên khởi của đạo Phật qua vài ba tài liệu lượm lặt. Do đó chắc chắn có nhiều điều thiếu sót và lỗi thời, không theo kịp với tin tức biến chuyển thời sự, rất mong các bạn chuyên gia về môi sinh, kinh tế hay chính trị vui lòng miễn thứ cho.

Nguyện sống đời tỉnh thức,

Để thấy rõ thực tại.

Nguyện tu tập chánh niệm,

Để lòng hết say mê.

Nguyện sống đời thiếu dục,

Cho Mẹ Đất xinh tươi.

Nguyện nuôi đức hiếu sinh,

Cho muôn loài an lạc.

-ooOoo-

Tài liệu tham khảo

Dharma No. 7 Institut Karma Ling, Hiver 1989-1980

Edward Golsmith, Nicolas Hildyard, Peter Bunyard, Patrick Mc Cully:

- 5000 jours pour sauver la planète - France Loisirs 1991

Martine Batchelor and Kerry Brown:

- Buddhism and Ecology. Cassell 1992

Le Monde Diplomatique, Avril 93

Science & Avenir, Hors-Série No. 61

Science & Vie No. 900, Septembre 1992

Thích Nhất Hạnh:

- Being Peace - Parallax 1987

- Tương Lai Văn Hóa Việt-Nam - Lá Bối 1982

- Từng bước nở Hoa Sen - Lá Bối 1985